

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG THPT TRẦN ĐĂNG NINH

ĐỀ THI THỬ ĐH LẦN I NĂM HỌC 2012 - 2013

Môn thi: Hóa học
Thời gian làm bài: 90 phút;

Mã đề thi
209

Họ và tên: ...
Lớp: ..

Cho Li = 7, Na = 23, Al = 27, Mg = 24, K = 39, Ca = 40, Fe = 56, Cu = 64, Zn = 65, Cr = 52
Ag = 108, Ba = 137, C = 12, N = 14, O = 16, H = 1, S = 32, Cl = 35,5, Br = 80

Câu 1: Cho dãy các chất: N₂, H₂, NH₃, NaCl, HCl, H₂O. Số chất trong dãy mà phân tử chỉ chứa liên kết cộng hóa trị phân cực là

- A. 3. B. 6. C. 5. D. 4.

Câu 2: Khi tiến hành đồng trùng hợp acrilonitrin và buta-1,3-đien thu được một loại cao su Buna-N chứa 8,69% Nitơ về khối lượng. Tỷ lệ số mol acrilonitrin và buta-1,3- đien trong cao su thu được là

- A. 1:2 B. 2:1 C. 1:1 D. 3:1

Câu 3: Thủy phân hết hỗn hợp gồm m gam tetrapeptit Ala-Gly-Ala-Gly (mạch hở) thu được hỗn hợp gồm 21,7 gam Ala-Gly-Ala, 7,5 gam Gly và 14,6 gam Ala – Gly. Giá trị của m là:

- A. 42,16 gam. B. 43,8 gam. C. 41,1 gam. D. 34,8 gam.

Câu 4: Cho các phản ứng sau:

- a) FeO + HNO₃ (đặc, nóng) → b) FeS + H₂SO₄ (đặc, nóng) →
c) Al₂O₃ + HNO₃ (đặc, nóng) → d) AgNO₃ + dd Fe(NO₃)₂ →
e) HCHO + H₂ $\xrightarrow{t^o, Ni}$ f) Cl₂ + Ca(OH)₂ →
g) C₂H₄ + Br₂ → h) glixerol + Cu(OH)₂ →

Dãy gồm các phản ứng đều thuộc loại phản ứng oxi hóa - khử là

- A. a, b, d, e, f, g. B. a, b, d, e, g, h. C. a, b, c, d, e, g. D. a, b, c, d, e, h.

Câu 5: Dd X gồm (KI và một ít hồ tinh bột). Cho lần lượt từng chất sau: O₂, O₃, Cl₂, H₂O₂, FeCl₃ tác dụng với dd X. Số chất làm dd X chuyển màu xanh tím là :

- A. 4 B. 3. C. 5. D. 2.

Câu 6: Chia 0,30 mol hỗn X gồm C₂H₆, C₂H₄, C₂H₂ thành hai phần bằng nhau. Đốt cháy hoàn toàn phần 1 thu được 5,40 gam H₂O. Cho phần 2 lội qua dd brom (dư) thấy khối lượng bình nước brom tăng 2,70 gam. Phần trăm khối lượng của C₂H₆ có trong hỗn hợp X là

- A. 71,42% B. 34,05% C. 35,71% D. 33,33%

Câu 7: Cho hỗn hợp gồm 6,96 gam Fe₃O₄ và 6,40 gam Cu vào 300 ml dd HNO₃ C_M (mol/l). Sau khi các phản ứng kết thúc thu được khí NO, dd X và còn lại 1,60 gam Cu. Giá trị C_M là

- A. 0,12. B. 0,15. C. 1,50. D. 1,20.

Câu 8: Dãy gồm các kim loại đều được điều chế bằng phương pháp nhiệt luyện là

- A. Al, Cu, Ba B. Fe, Cu, Pb C. Ca, Zn, Fe D. Na, Ni, Cu

Câu 9: Cho hh X (gồm CH₃OH, C₂H₄(OH)₂, C₃H₅(OH)₃) có khối lượng m gam. Đốt cháy hoàn toàn X thu được 5,6 lít khí CO₂ (ở đktc). Cũng m gam hh X trên cho tác dụng với kali thu được V lít khí (đktc). Giá trị của V bằng

- A. 3,36 B. 11,2 C. 5,6 D. 2,8

Câu 10: Cho 8,4 gam Fe tác dụng vừa đủ với dd chứa 0,4 mol H₂SO₄ đặc, nóng (giả thiết SO₂ là sản phẩm khử duy nhất). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn cô cạn dd được m gam muối khan. Giá trị của m là:

- A. 30 gam B. 35,2 gam C. 22,8 gam D. 27,6 gam

Câu 11: Cho a mol Fe vào dd chứa b mol AgNO₃, phản ứng xong, dd còn lại chứa Fe(NO₃)₂ và Fe(NO₃)₃ thì tỉ số b/a là

- A. 2 < b/a < 3 B. b/a ≥ 2 C. b/a = 3 D. 1 < b/a < 2

Câu 12: Đốt cháy hoàn toàn 29,6 gam hh X gồm CH₃COOH, C_xH_yCOOH và (COOH)₂ thu được 0,8 mol H₂O và m gam CO₂. Cũng cho 29,6 gam X tác dụng với lượng dư NaHCO₃ thu được 0,5 mol CO₂. Giá trị của m là

- A. 11. B. 33. C. 44. D. 22.

Câu 13: Cho các phát biểu sau

- 1, Phản ứng thuận nghịch là phản ứng xảy ra theo 2 chiều ngược nhau.
- 2, Chất xúc tác làm tăng tốc độ phản ứng thuận và nghịch.
- 3, Tại thời điểm cân bằng trong hệ vẫn luôn có mặt các chất phản ứng và các sản phẩm.
- 4, Khi phản ứng đạt trạng thái cân bằng hoá học, nồng độ các chất vẫn có sự thay đổi.
- 5, Khi phản ứng đạt trạng thái cân thuận nghịch bằng hoá học, phản ứng dừng lại.

Các phát biểu *sai* là

A. 4,5

B. 2,3.

C. 3,5.

D. 3,4.

Câu 14: Hai hợp chất hữu cơ X, Y có cùng công thức phân tử $C_3H_6O_2$. Cả X và Y đều tác dụng với Na; X tác dụng được với $NaHCO_3$ còn Y có khả năng tham gia phản ứng tráng bạc. Công thức cấu tạo của X và Y lần lượt là

A. C_2H_5COOH và $HCOOC_2H_5$.

B. $HCOOC_2H_5$ và $HOCH_2CH_2CHO$.

C. $HCOOC_2H_5$ và $HOCH_2COCH_3$.

D. C_2H_5COOH và $CH_3CH(OH)CHO$.

Câu 15: Dãy gồm các chất đều có khả năng tham gia phản ứng trùng hợp là:

A. 1,2-điclopropan; vinylaxetilen; vinylbenzen; toluen.

B. stiren; clobenzen; isopren; but-1-en.

C. 1,2-đicloeten; propilen; stiren; vinyl clorua.

D. buta-1,3-đien; cumen; etilen; trans-but-2-en.

Câu 16: Dãy gồm các chất dễ bị nhiệt phân là:

A. $CaCO_3$, $Pb(NO_3)_2$, $(NH_4)_2CO_3$, K_2CO_3

B. NH_4HCO_3 , KNO_3 , NH_4NO_2 , $AgNO_3$

C. $Cu(NO_3)_2$, NH_4Cl , $Mg(HCO_3)_2$, Na_2CO_3

D. $Cu(OH)_2$, $Mg(NO_3)_2$, $KHCO_3$, $BaSO_4$

Câu 17: Cho các cặp dd sau: (1) Na_2CO_3 và $AlCl_3$; (2) $NaNO_3$ và $FeCl_2$; (3) HCl và $Fe(NO_3)_2$; (4) $NaHCO_3$ và $BaCl_2$; (5) $NaHCO_3$ và $NaHSO_4$. Số cặp xảy ra phản ứng khi trộn các chất trong các cặp đó với nhau là:

A. 3 cặp

B. 4 cặp

C. 2 cặp

D. 5 cặp

Câu 18: Cho dãy các chất: axit fomic, metyl fomiat, etanol, etanal, axit etanoic. Chất có nhiệt độ sôi cao nhất trong dãy là

A. etan

B. axit etanoic.

C. etanal

D. etanol.

Câu 19: Cho chất hữu cơ A chỉ chứa một loại nhóm chức tác dụng với 1 lít dd $NaOH$ 0,5M thu được 24,6 gam muối và 0,1 mol ancol. Lượng $NaOH$ dư có thể trung hòa hết bằng 0,5 lít dd HCl 0,4M. Công thức cấu tạo thu gọn của A là

A. $(CH_3COO)_2C_2H_4$

B. $(HCOO)_3C_3H_5$

C. $CH_3COOC_2H_5$

D. $C_3H_5(OCOCH_3)_3$

Câu 20: Cho các chất tham gia phản ứng:

a, $S + F_2 \rightarrow$

b, $SO_2 + H_2S \rightarrow$

c, $SO_2 + O_2 \rightarrow$

d, $S + H_2SO_4$ (đặc nóng) \rightarrow

e, $H_2S + Cl_2$ (dư) + $H_2O \rightarrow$

f, $FeS_2 + HNO_3 \rightarrow$

Khi các điều kiện (xt và nhiệt độ) có đủ số phản ứng tạo ra sản phẩm mà lưu huỳnh ở mức số oxi hoá + 6 là

A. 5.

B. 2.

C. 4.

D. 3.

Câu 21: Cho các cặp oxi hóa – khử được sắp xếp theo chiều tăng dần tính oxi hóa của dạng oxi hóa như sau: Fe^{2+}/Fe , Cu^{2+}/Cu , Fe^{3+}/Fe^{2+} . Phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Fe^{3+} oxi hóa được Cu thành Cu^{2+} .

B. Cu^{2+} oxi hóa được Fe^{2+} thành Fe^{3+} .

C. Fe^{2+} oxi hóa được Cu thành Cu^{2+} .

D. Cu khử được Fe^{3+} thành Fe .

Câu 22: Thê tích dd $Ba(OH)_2$ 0,025M cần cho vào 100ml dd hỗn hợp gồm HNO_3 và HCl có $pH = 1$, để thu được dd có $pH = 2$ là

A. 0,224 lít.

B. 0,15 lít.

C. 0,336 lít.

D. 0,448 lít.

Câu 23: Cho dãy các chất: phenylamoni clorua, benzyl clorua, isopropyl clorua, m-crezol, ancol benzylic, natri phenolat, anlyl clorua. Số chất trong dãy tác dụng được với dd $NaOH$ loãng, đun nóng là

A. 3.

B. 5.

C. 6.

D. 4.

Câu 24: Trong các thí nghiệm sau,

(1) Cho khí O_3 tác dụng với dd KI .

(2) Nhiệt phân amoni nitrit.

(3) Cho $NaClO_3$ tác dụng với dd HCl đặc.

(4) Cho khí H_2S tác dụng với dd $FeCl_3$.

(5) Cho khí NH_3 dư tác dụng với khí Cl_2 .

(6) Cho axit fomic tác dụng với H_2SO_4 đặc.

(7) Cho H_2SO_4 đặc vào dd $NaBr$.

(8) Cho Al tác dụng với dd $NaOH$.

(9) Cho CO_2 tác dụng với Mg ở nhiệt độ cao.

(10) Cho dd $Na_2S_2O_3$ tác dụng với dd H_2SO_4 (loãng).

số thí nghiệm tạo ra đơn chất là:

A. 8

B. 6

C. 7

D. 9

Câu 25: Loại tơ nào sau đây được điều chế bằng phản ứng trùng hợp?

A. Tơ visco. **B. Tơ nitron.** C. Tơ xenlulozơ axetat. D. Tơ nilon-6,6.

Câu 26: Hỗn hợp X gồm $KClO_3$, $Ca(ClO_3)_2$, $CaCl_2$ và KCl có tổng khối lượng là 83,68 gam. Nhiệt phân hoàn toàn X thu được 17,472 lít O_2 (đktc) và chất rắn Y gồm $CaCl_2$ và KCl . Y tác dụng vừa đủ 0,36 lít dd K_2CO_3 0,5M thu được dd Z. Lượng KCl trong Z nhiều gấp 22/3 lần lượng KCl trong X. Phần trăm khối lượng $KClO_3$ trong X là

A. 47,62%. **B. 23,51%.** C. 81,37%. **D. 58,55%.**

Câu 27: Có ba dd: amoni hidrocacbonat, natri aluminat, natri phenolat và ba chất lỏng: ancol etylic, benzen, anilin đựng trong sáu ống nghiệm riêng biệt. Nếu chỉ dùng một thuốc thử duy nhất là dd HCl thì nhận biết được tối đa bao nhiêu ống nghiệm?

A. 4. **B. 5.** **C. 6.** D. 3.

Câu 28: Nung nóng hỗn hợp gồm 0,4 mol N_2 và 1,6 mol H_2 trong bình kín (có xúc tác) rồi đưa về nhiệt độ $t^\circ C$ thấy áp suất trong bình lúc này là P_1 . Sau đó cho một lượng dư H_2SO_4 đặc vào bình (nhiệt độ lúc này trong bình là $t^\circ C$) đến khi áp suất ổn định thì thấy áp suất trong bình lúc này là P_2 ($P_1 = 1,75P_2$). Hiệu suất tổng hợp NH_3 là:

A. 65,25%. **B. 60%.** **C. 75%.** D. 50%.

Câu 29: Lên men m gam glucozơ với hiệu suất 90%, lượng khí CO_2 sinh ra hấp thụ hết vào dd nước vôi trong, thu được 10 gam kết tủa. Khối lượng dd sau phản ứng giảm 3,4 gam so với khối lượng dd nước vôi trong ban đầu. Giá trị của m là:

A. 13,5 **B. 30,0** C. 20,0 **D. 15,0**

Câu 30: Cho các phát biểu sau:

- a) Photpho đỏ và photpho trắng là hai **đồng phân** của nhau.
- b) P đỏ và P trắng đều không tan trong nước, **đều tan** trong một số dung môi hữu cơ như C_6H_6 , clorofom...
- c)** Photpho trắng phát quang màu lục nhạt trong bóng tối, photpho đỏ không phát quang.
- d) Photpho trắng có cấu trúc tinh thể **nguyên tử**, photpho đỏ có cấu trúc polime.
- e)** Photpho trắng hoạt động mạnh hơn P đỏ. Trong các phản ứng P thể hiện tính oxi hóa hoặc tính khử.
- f)** Khi đun nóng không có không khí, P đỏ chuyển thành hơn, khi làm lạnh thì hơi đỏ ngưng tụ thành P trắng.
- g) Photpho đỏ và **photpho trắng** được ứng dụng để sản xuất diêm, photpho nằm ở **đầu que diêm**.

Số phát biểu đúng là:

A. 2. **B. 4.** **C. 3.** D. 5.

Câu 31: 1 mol X có thể phản ứng tối đa 2 mol $NaOH$. X có thể là:

- (1)** $CH_3COOC_6H_5$ **(2)** $ClH_3NCH_2COONH_4$ **(3)** $ClCH_2CH_2Br$
- (4) $HOC_6H_4CH_2OH$ (5) $H_2NCH_2COOCH_3$ (6) $ClCH_2COOCH_2Cl$

Có bao nhiêu chất X thỏa mãn:

A. 5 **B. 2** **C. 3** D. 4

Câu 32: Hòa tan hết 3,84 gam Cu trong 100 ml dd hỗn hợp gồm HNO_3 0,60M và H_2SO_4 0,50M. Sau phản ứng thu được khí NO duy nhất và dd X. Khối lượng muối khan thu được khi cô cạn dd X là?

A. 8,00 gam. **B. 1,88 gam.** C. 10,00 gam. **D. 9,88 gam.**

Câu 33: Cho các phát biểu sau:

- (a)** Andehit vừa có tính oxi hóa vừa có tính khử
- (b) Phenol tham gia phản ứng thế brom khó hơn benzen
- (c)** Andehit tác dụng với H_2 (dư) có xúc tác Ni đun nóng, thu được ancol bậc một
- (d)** Dd axit axetic tác dụng được với $Cu(OH)_2$
- (e) Dd phenol trong nước làm quỳ tím hóa đỏ
- (f)** Trong công nghiệp, axeton được sản xuất từ cumen

Số phát biểu đúng là:

A. 4. **B. 2.** C. 3. **D. 5.**

Câu 34: Dãy chất nào sau đây đều thể hiện tính oxi hóa khi phản ứng với SO_2 ?

- A. Dd $Ba(OH)_2$, H_2O_2 , dd $KMnO_4$. **B. H_2SO_4 đặc, O_2 , nước brom.**
- C. O_3 , nước clo, dd $KMnO_4$.** **D. O_3 , H_2S , nước brom.**

Câu 35: Tripeptit M và tetrapeptit Q đều được tạo ra từ một amino axit X mạch hở, phân tử có một nhóm $-NH_2$. Phần trăm khối lượng của N trong X là 18,667%. Thủy phân không hoàn toàn m gam hỗn hợp M, Q (tỉ lệ mol 1 :

1) trong môi trường axit thu được 0,945 gam M ; 4,62 gam dipeptit và 4,125 gam X. Giá trị của m là

A. 9,69. **B. 8,7.** C. 18,725. **D. 8,389**

Câu 36: Một chất hữu cơ A đơn chức chứa các nguyên tố (C,H,O) và không có khả năng tráng bạc. A tác dụng vừa đủ với 96g dd KOH 11,66%. Sau khi phản ứng cô cạn dd thu được 23g chất rắn Y và 86,6g nước. Đốt cháy hoàn toàn Y thu được sản phẩm gồm 15,68 lít CO₂ (đktc) và 7,2g nước và một lượng K₂CO₃. CTCT của A là:

- A. CH₃COO-C₆H₄-CH₃; **B. CH₃-COO-C₆H₅;**
 C. CH₃-C₆H₄-COOH; **D. HCOO-C₆H₄-CH₃;**

Câu 37: Cho luồng khí CO dư đi qua hỗn hợp BaO, Al₂O₃ và FeO đốt nóng thu được chất rắn X₁. Hoà tan chất rắn X₁ vào nước thu được dd Y₁ và chất rắn E₁. Sục khí CO₂ dư vào dd Y₁ thu được kết tủa F₁. Hoà tan E₁ vào dd NaOH dư thấy bị tan một phần và còn chất rắn G₁. Cho G₁ vào dd AgNO₃ dư (Coi CO₂ không phản ứng với nước). Tổng số phản ứng xảy ra là:

- A. 9 **B. 7** C. 6 D. 8

Câu 38: Đốt a mol X là trieste của glixerol và axit đơn chức, mạch hở thu được b mol CO₂ và c mol H₂O, biết b-c=4a. Hidro hóa m gam X cần 6,72 lít H₂ (đktc) thu được 39 gam X'. Nếu đun m gam X với dd chứa 0,7mol NaOH đến phản ứng sau đây cô cạn dd sau phản ứng thì thu được bao nhiêu gam chất rắn?

- A. 57,2 gam **B. 53,2 gam** C. 61,48 gam D. 52,6 gam

Câu 39: Hỗn hợp X gồm axetilen (0,15 mol), vinylaxetilen (0,1 mol), etilen (0,1 mol) và hidro (0,4 mol). Nung X với xúc tác niken một thời gian thu được hỗn hợp Y có tỉ khối đối với hidro bằng 12,7. Hỗn hợp Y phản ứng vừa đủ với dd chứa a mol Br₂. Giá trị của a là:

- A. 0,35 B. 0,65 C. 0,25 **D. 0,45**

Câu 40: Đốt cháy hoàn toàn 0,11 gam một este X (tạo nên từ một axit cacboxylic đơn chức và một ancol đơn chức) thu được 0,22 gam CO₂ và 0,09 gam H₂O. Số đồng phân este của X là

- A. 2 B. 6 **C. 4** D. 5

Câu 41: X là dd AlCl₃, Y là dd NaOH 2 M. Thêm 150 ml dd Y vào cốc chứa 100ml dd X, khuấy đều đến phản ứng hoàn toàn thấy trong cốc có 7,8 gam kết tủa. Thêm tiếp vào cốc 100 ml dd Y, khuấy đều đến phản ứng hoàn toàn thấy trong cốc có 10,92 gam kết tủa. Nồng độ mol/l của dd X bằng

- A. 1,6 M.** B. 2,0 M. C. 1,0 M. D. 3,2 M.

Câu 42: Hỗn hợp X gồm 2 chất hữu cơ mạch hở có cùng công thức phân tử là C₄H₉NO₂. Cho 10,3 gam X phản ứng với 200 ml dd NaOH 1M thu được dd Z và hỗn hợp hai khí Y (đều làm xanh quỳ tím ẩm) khí hơn kém nhau 1 nguyên tử C. Tỉ khối của Y so với H₂ bằng 13,75 Cô cạn dd Z thu được m gam chất rắn. Giá trị của m là

- A. 9,75 B. 11,55 C. 15,55 **D. 13,75**

Câu 43: Cho 15,6 gam hỗn hợp X gồm Mg và Al hòa tan hết trong V lít dd HNO₃ 1M vừa đủ thu được 3,136 lít hỗn hợp N₂O và N₂ (có tỉ lệ thể tích là 5:2 và ở đktc) và dd Z chứa 118,8 gam muối. Thể tích HNO₃ cần dùng là:

- A. 1,88 lít **B. 1,98 lít** C. 1,74 lít D. 2,28 lít

Câu 44: Cho 0,1 mol α -aminoaxit X tác dụng với 50 ml dd HCl 1 M thu được dd A, dd A tác dụng đủ với 250 ml dd NaOH 1 M thu được dd B, cô cạn dd B còn lại 20,625 gam chất rắn khan. Công thức của X là:

- A. HOOCCH₂CH₂CH(NH₂)COOH. **B. NH₂CH₂COOH.**
 C. CH₃CH(NH₂)COOH. **D. HOOCCH₂CH(NH₂)COOH.**

Câu 45: Tiến hành các thí nghiệm sau:

- (1) Sục khí H₂S vào dd FeSO₄ (2) Sục khí H₂S vào dd CuSO₄
 (3) Sục khí CO₂ (dư) vào dd Na₂SiO₃ (4) Sục khí CO₂ (dư) vào dd Ca(OH)₂
 (5) Nhỏ từ từ dd NH₃ đến dư vào dd Al₂(SO₄)₃ (6) Nhỏ từ từ dd Ba(OH)₂ đến dư vào dd Al₂(SO₄)₃

Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số thí nghiệm thu được kết tủa là

- A. 5 B. 3 **C. 4** D. 6

Câu 46: Cho 13,6 gam một chất hữu cơ X (C, H, O) tác dụng vừa đủ với 300 ml dung dịch AgNO₃/NH₃ 2M thu được 43,2 gam kết tủa. Biết tỉ khối của X so với oxi là 2,125. X là

- A. andehit đơn chức, 1 nối đôi. **B. andehit đơn chức, một nối ba đầu mạch.**
 C. andehit no, 2 chức. D. andehit đơn chức, một nối ba giữa mạch.

Câu 47: Tổng số đồng phân vừa tác dụng với axit, vừa tác dụng với bazơ ứng với công thức phân tử C₂H₇O₂N là

- A. 2** B. 3 C. 1 D. 4

Câu 48: Trộn 100 ml dd A (KHCO_3 1M và K_2CO_3 1M) vào 100 ml dd B (NaHCO_3 1M và Na_2CO_3 1M) thu được dd C; Nhỏ từ từ 100 ml dd D (H_2SO_4 1M và HCl 1M) vào dd C thu được V lít CO_2 (đktc) và dd E; Cho $\text{Ba}(\text{OH})_2$ tới dư vào dd E thu được m gam kết tủa. Giá trị của m và V lần lượt là

- A. 23,3 gam và 2,24 lít **B. 82,4 gam và 2,24 lít** C. 82,4 gam và 5,6 lít D. 59,1 gam và 2,24 lít

Câu 49: Hỗn hợp X chứa: NaHCO_3 , NH_4NO_3 và CaO (các chất có cùng số mol). Hòa tan hỗn hợp X vào H_2O (dư), đun nóng. Sau phản ứng kết thúc, lọc bỏ kết tủa, thu được dd Y. Dd Y có môi trường

- A. trung tính.** B. lưỡng tính. C. Bazơ. D. Axit.

Câu 50: Dd X gồm 0,1 mol H^+ , z mol Al^{3+} , t mol NO_3^- và 0,02 mol SO_4^{2-} . Cho 120 ml dd Y gồm KOH 1,2M và $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,1M vào X, sau khi các phản ứng kết thúc, thu được 3,732 gam kết tủa. Giá trị của z, t lần lượt là :

- A. 0,012 và 0,096 **B. 0,020 và 0,120** C. 0,020 và 0,012 D. 0,120 và 0,020

----- HẾT -----